

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 03 /2020/HNGĐ- ST

Ngày: 18/03/2020.

V/v: *Không công nhận là vợ chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định

Bà Đinh Thị Thu Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 282/2020/TLST- HNGĐ ngày 09/12/2020 về “ *Không công nhận là vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020 /QĐXX ST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST/HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Ngọc C (tức Lương Văn C), sinh năm 1966 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Từ Thị A, sinh năm 1970 (Triệu tập hợp lệ lần 2 vẫn vắng mặt)
Cùng cư trú tại: Xóm Ngh, thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng ngày 28/11/2019 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là anh Lương Ngọc C trình bày: Anh và chị A chung sống với nhau như vợ chồng năm 1988 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, năm 2018 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống cũng như việc làm ăn, phát triển kinh tế. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị A không chịu khó

làm ăn, thường xuyên đi vay nợ dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Anh và gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng chị A không thay đổi. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2018 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị A là vợ chồng.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lương Thị Th1, sinh ngày 09/02/1990 và Lương Thị Th2, sinh ngày 29/8/1992 hiện các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng anh C xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Từ Thị A là bị đơn: Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần niêm yết Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị A đều cố tình trốn tránh khai báo, không chấp hành theo giấy triệu tập, Thông báo của Tòa án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 8 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, áp dụng Điều 9,14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Quan hệ vợ chồng: không công nhận anh Lương Ngọc C và chị Từ Thị A là vợ chồng.

- Con chung: Không yêu cầu giải quyết;

- Tài sản chung, số nợ, ruộng canh tác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Căn cứ quy định của pháp luật buộc anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Anh Lương Ngọc C tức Lương Văn C là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp, hiện chị Từ Thị A là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm Ngh, thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Chị chưa cắt chuyển khẩu hay làm thủ tục tạm vắng, tạm trú đi đâu. Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và 02 lần niêm yết giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị A đều vắng mặt. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung*: Anh Lương Ngọc C tức anh Lương Văn C và chị Từ Thị A kết hôn năm 1988 trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2018 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống. Chị A không chịu làm ăn, thường xuyên đi vay nợ dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Anh C và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng chị A không thay đổi. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2018 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng anh C, chị A mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân giữa anh C và chị A không có đăng ký kết hôn. Áp dụng Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận anh C và chị A là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lương Ngọc C (tức Lương Văn C) và chị Từ Thị A là vợ chồng.

Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0004071 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Anh C đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y(2b);
- Chi cục THA huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã T.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hương